

Số: /NQ-HĐND

Tứ Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
và kế hoạch đầu tư công năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG TỨ MINH
KHÓA XXII, KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 5099/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của UBND thành phố Hải Dương về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Tứ Minh về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 83-TB/ĐU ngày 13 tháng 11 năm 2025 kết luận của Ban Thường vụ phường về việc cho ý kiến nội dung trình kỳ họp thứ 14 Hội đồng nhân dân phường khóa XXII, nhiệm kỳ 2021-2026;

Xét Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường về việc điều chỉnh, phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và đầu tư công năm 2025 phường Tứ Minh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân phường và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương

1. Điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

Tổng danh mục các công trình, dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025 phường Tứ Minh là 29 dự án, tổng mức đầu tư là 284.353,6 triệu đồng¹, điều chỉnh như sau:

a) Đưa ra khỏi Danh mục dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 14 dự án, với tổng mức đầu tư 146.956 triệu đồng.

b) Bổ sung vào Danh mục dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 04 dự án dự kiến khởi công năm 2025, tổng mức đầu tư là 81.160,5 triệu đồng.

Tổng danh mục các công trình, dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh là 19 dự án, tổng mức đầu tư là 218.558,1 triệu đồng.

2. Điều chỉnh, phân bổ kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương

a) Về nguồn vốn

Tổng nguồn vốn đã bố trí cho kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 là 125.025,6 triệu đồng gồm: *Nguồn bổ sung từ cấp trên 436,6 triệu đồng; Tiền đền bù đất công điền khi Nhà nước thu hồi đất 829,4 triệu đồng; Nguồn tăng thu tiết kiệm chi 245,3 triệu đồng; Nguồn tiền từ sử dụng đất: 123.514,3 triệu đồng.*

Điều chỉnh cụ thể như sau:

- Bổ sung 2.015 triệu đồng từ nguồn tăng thu tiền đất năm 2024 chuyển sang năm 2025 (của thành phố Hải Dương) do xử lý phương án tài chính.

- Điều chỉnh giảm 11.897,2 triệu đồng từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2025.

Tổng nguồn vốn cho giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh là 115.143,4 triệu đồng.

¹ Phần nội dung khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được xác định là 31 công trình, dự án, tổng mức đầu tư 148.625 triệu đồng, kế hoạch vốn 148.625 triệu đồng. Tuy nhiên, trong Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 31/7/2025, số liệu thể hiện là 29 công trình, dự án, tổng mức đầu tư 284.353,6 triệu đồng, kế hoạch vốn 134.588,7 triệu đồng. Sự chênh lệch giữa hai phần xuất phát từ quá trình tổng hợp và rà soát số liệu trước khi phê duyệt. Sau khi đối chiếu với các hồ sơ, căn cứ pháp lý và số liệu được phê duyệt chính thức, xác định Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 31/7/2025 là 29 công trình, dự án, tổng mức đầu tư 284.353,6 triệu đồng, kế hoạch vốn 134.588,7 triệu đồng.

b) Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách là 134.588,7 triệu đồng. Điều chỉnh như sau:

- Điều chỉnh giảm 23.202,3 triệu đồng kế hoạch vốn của 08 công trình, dự án và dự án không có khả năng giải ngân hết vốn giao.
- Điều chỉnh tăng 3.757 triệu đồng kế hoạch vốn của 04 dự án bổ sung mới.

Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh là 115.143,4 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)

Điều 2. Điều chỉnh, phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025 vốn ngân sách địa phương

1. Điều chỉnh Danh mục dự án đầu tư công năm 2025

Tổng danh mục các công trình, dự án đầu tư công năm 2025 là 19 dự án, tổng mức đầu tư là 204.297,6 triệu đồng², điều chỉnh như sau:

- Đưa ra khỏi danh mục đầu tư công năm 2025 là 05 dự án, tổng mức đầu tư là 69.900 triệu đồng.
- Bổ sung vào danh mục đầu tư công năm 2025 là 04 dự án khởi công năm 2025 và hoàn thành sau năm 2025, tổng mức đầu tư là 81.160,5 triệu đồng.

Tổng danh mục các công trình, dự án đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh là 18 dự án, tổng mức đầu tư là 215.558,1 triệu đồng.

2. Điều chỉnh, phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn NSDP

a) Về nguồn vốn

Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2025 là 57.839,3 triệu đồng gồm: Nguồn vốn bổ sung từ cấp trên 436,6 triệu đồng; Thu tiền đền bù đất công điền khi Nhà nước thu hồi đất 829,4 triệu đồng; Tăng thu tiết kiệm chi 245,3 triệu đồng; Thu tiền sử dụng đất 56.328 triệu đồng (*trong đó, từ thu tiền sử dụng đất 2024 chuyển sang 2025 là 25.972,8 triệu đồng, từ thu tiền sử dụng đất theo kế hoạch năm 2025 là 18.458 triệu đồng; từ tăng thu tiền sử dụng đất năm 2025 là 11.897,2 triệu đồng*).

² Tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 gồm 20 công trình, dự án, với tổng mức đầu tư 81.438 triệu đồng và kế hoạch vốn 81.438 triệu đồng. Tuy nhiên, theo Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 31/7/2025, số liệu thể hiện 19 công trình, dự án, tổng mức đầu tư 204.297,6 triệu đồng, kế hoạch vốn 90.402,4 triệu đồng. Sự chênh lệch giữa hai phần là do quá trình tổng hợp số liệu trước khi phê duyệt. Sau khi rà soát và đối chiếu với các hồ sơ, tài liệu và căn cứ pháp lý có liên quan, xác định Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 31/7/2025 là 19 công trình, dự án, tổng mức đầu tư 204.297,6 triệu đồng, kế hoạch vốn 90.402,4 triệu đồng.

- Bổ sung tăng 2.015 triệu đồng từ nguồn tăng thu tiền đất năm 2024 chuyển sang năm 2025 (của thành phố Hải Dương) do xử lý phương án tài chính.

- Điều chỉnh giảm 11.897,2 triệu đồng từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2025 (sau khi điều chỉnh giảm thực hiện chuyển nguồn sang năm 2026 theo đúng quy định của pháp luật hiện hành).

Tổng nguồn vốn bố trí cho năm 2025 sau điều chỉnh là 47.957,1 triệu đồng gồm: Nguồn bổ sung từ cấp trên 436,6 triệu đồng; Tiền đền bù đất công điền khi Nhà nước thu hồi đất 829,4 triệu đồng; Nguồn tăng thu thường xuyên, tiết kiệm chi 245,3 triệu đồng; Nguồn tiền sử dụng đất 46.445,8 triệu đồng.

b) Điều chỉnh, phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn NSDP

(1) Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn NSDP

Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương là 90.402,4 triệu đồng. Điều chỉnh như sau:

- Điều chỉnh giảm 4.291,3 triệu đồng kế hoạch vốn của 07 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2025 dư vốn; giảm 18.911 triệu đồng kế hoạch vốn của 01 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025 không có khả năng giải ngân hết vốn giao trong năm 2025; giảm 23.000 triệu đồng kế hoạch của 05 công trình, dự án chưa triển khai chuẩn bị đầu tư.

- Điều chỉnh tăng 3.757 triệu đồng kế hoạch vốn của 04 dự án bổ sung mới năm 2025.

Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh là 47.957,1 triệu đồng.

(2) Phân bổ 47.957,1 triệu đồng kế hoạch đầu tư công sau điều chỉnh tại phần (1) nêu trên cho 18 dự án, công trình cụ thể như sau:

- 13 Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025: 13.323,5 triệu đồng.
- 01 Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025: 30.876,6 triệu đồng.
- 04 Dự án dự kiến khởi công mới năm 2025: 3.757 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân phường Tứ Minh tổ chức, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết này bảo đảm đúng các quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định pháp luật khác có liên quan; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, không thất thoát ngân sách nhà nước.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Tứ Minh khoá XXII, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- Sở Tài chính thành phố;
- Sở xây dựng thành phố;
- Ban Thường vụ Đảng ủy phường;
- Thường trực HĐND phường;
- UBND phường;
- TT UBMTQ VN phường;
- Các ban HĐND phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Tá Duân

PHỤ LỤC 01- PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /11/2025 của Hội đồng nhân dân phường Tứ Minh)

TT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư được phê duyệt (theo lần cuối cùng nếu có)				Kế hoạch vốn giai đoạn (2021-2025) NQ 10/NQ-HĐND ngày 31/7/2025	Điều chỉnh tăng (+)/giảm (-)	Kế hoạch vốn 2021-2025 sau điều chỉnh	Số dự án	Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Thời gian KC-HT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSDP					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	TỔNG CỘNG			365,514.1	365,514.1	134,588.7	(19,445.3)	115,143.4	33	0
I	CÔNG TRÌNH DỰ ÁN ĐÃ VÀ ĐANG TRIỂN KHAI			137,397.6	137,397.6	134,588.7	(23,202.3)	111,386.4	15	0
II	DỰ ÁN BỔ SUNG MỚI, TRIỂN KHAI NĂM 2025			81,160.5	81,160.5	-	3,757.0	3,757.0	4	0
III	CÁC DỰ ÁN ĐUNG THỰC HIỆN VÀ ĐƯA RA KHỎI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025			146,956.0	146,956.0	-	-	-	14	0
	Chi tiết như sau:									
I	CÔNG TRÌNH DỰ ÁN ĐÃ VÀ ĐANG TRIỂN KHAI			137,397.6	137,397.6	134,588.7	(23,202.3)	111,386.4	15	0
1	Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng từ năm 2024 trở về trước			3,000.0	3,000.0	3,000.0	-	3,000.0	1	
1.1	Cải tạo, sửa chữa lớp học 2 tầng 8 phòng, 2 tầng 6 phòng Nhà hiệu bộ sân trường tiểu học xã Cẩm Đoài	Số 99/QĐ-UBND ngày 20/7/2023		3,000.0	3,000.0	3,000.0		3,000.0	1	
2	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2025			65,897.6	65,897.6	65,783.7	(4,291.3)	61,492.4	13	
2.1	Nhà ăn, nhà xe, nhà vệ sinh, tường rào, công, hệ thống thoát nước, sân trường TH Cẩm Đoài	Số 144/QĐ-UBND ngày 21/7/2022		7,924.0	7,924.0	7,924.0	(20.3)	7,903.7	1	
2.2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn, rãnh thoát nước trên địa bàn xã Cẩm Đoài. Tuyến 2: Từ cổng làng Ha Xá đến cổng nhà ông Vũ Văn Hồng,	Số 109/QĐ-UBND ngày 31/7/2023		5,631.0	5,631.0	5,631.0		5,631.0	1	

TT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư được phê duyệt (theo lần cuối cùng nếu có)				Kế hoạch vốn giai đoạn (2021-2025) NQ 10/NQ-HĐND ngày 31/7/2025	Điều chỉnh tăng (+)/giảm (-)	Kế hoạch vốn 2021-2025 sau điều chỉnh	Số dự án	Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Thời gian KC-HT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSDP					
2.3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn, rãnh thoát nước trên địa bàn xã Cẩm Đoài. Tuyến 3: Thôn Ha Xá. Từ Nhà văn hoá thôn Ha Xá đến nhà ông Vũ Văn Độ xóm Hoà Bình	Số 110/QĐ-UBND ngày 31/7/2023		8,131.7	8,131.7	8,131.7		8,131.7	1	
2.4	Sân thể thao, nhà tập luyện thể thao thôn Kim Xá	Số 187/QĐ-UBND ngày 25/12/2023		7,618.0	7,618.0	7,618.0		7,618.0	1	
2.5	Cải tạo, sửa chữa hội trường và nhà làm việc với Đảng ủy - UBND - HĐND xã Cẩm Đoài	Số 85/QĐ-UBND ngày 20/6/2023		627.0	627.0	627.0	(1.4)	625.6	1	
2.6	Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ xã Cẩm Đoài	Số 63/QĐ-UBND ngày 22/5/2024		3,549.0	3,549.0	3,637.0	(88.2)	3,548.8	1	
2.7	Cải tạo, sửa chữa mái nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, mái che sân trường MN Cẩm Đoài	Số 184/QĐ-UBND ngày 05/12/2024		279.9	279.9	279.0		279.0	1	
2.8	Cải tạo, sửa chữa mái nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ trường TH Cẩm Đoài	Số 185/QĐ-UBND ngày 06/12/2024		452.0	452.0	251.0	(0.4)	250.6	1	
2.9	Cải tạo nhà làm việc 3 tầng, nhà vệ sinh trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường Tứ Minh, TP Hải Dương	Số 115/QĐ-UBND ngày 19/5/2025		1,950.0	1,950.0	1,950.0		1,950.0	1	
2.10	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới Thượng Đạt, phường Tứ Minh, TP Hải Dương	Số 132/QĐ-UBND ngày 20/6/2025		830.0	830.0	830.0		830.0	1	
2.11	Xây dựng nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường Tứ Minh	Số 240/QĐ-UBND ngày 21/10/2024		11,800.0	11,800.0	11,800.0	(460.0)	11,340.0	1	

TT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư được phê duyệt (theo lần cuối cùng nếu có)				Kế hoạch vốn giai đoạn (2021-2025) NQ 10/NQ-HĐND ngày 31/7/2025	Điều chỉnh tăng (+)/giảm (-)	Kế hoạch vốn 2021-2025 sau điều chỉnh	Số dự án	Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Thời gian KC-HT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSDP					
2.12	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Vũ Mạnh Hùng, khu Lộ Cương, phường Tứ Minh, TPHD, đoạn từ đường Trường Chinh đến đình Lộ Cương	Số 62/QĐ-UBND ngày 12/3/2025		4,300.0	4,300.0	4,300.0	(202.0)	4,098.0	1	
2.13	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước khu dân cư Lộ Cương A, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương	Số 62/QĐ-UBND - 10/04/2023		12,805.0	12,805.0	12,805.0	(3,519.0)	9,286.0	1	
3	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025			68,500.0	68,500.0	65,805.0	(18,911.0)	46,894.0	1	
3.1	Xây dựng trường THCS Tứ Minh, phường Tứ Minh	Số 280/QĐ-UBND ngày 20/11/2023		68,500.0	68,500.0	65,805.0	(18,911.0)	46,894.0	1	
II	DỰ ÁN BỔ SUNG MỚI, TRIỂN KHAI NĂM 2025			81,160.5	81,160.5	-	3,757.0	3,757.0	4	
1	Dự án Cải tạo, sửa chữa các khối nhà lớp học Trường Tiểu học Tứ Minh	906/QĐ-UBND ngày 24/10/2025		5,077.0	5,077.0	-	800.0	800.0	1	
2	Xây dựng nhà lớp học 4 tầng 12 phòng trường THCS Cẩm Đoài, phường Tứ Minh	903/QĐ-UBND ngày 24/10/2025		16,209.0	16,209.0	-	2,000.0	2,000.0	1	
3	Cải tạo, sửa chữa mặt đường, hệ thống thoát nước các tuyến phố Phạm Quý Thích, Phạm Duy Uông và Lý Tử Cầu tổ dân phố Cẩm Khê A thuộc phường Tứ Minh	905/QĐ-UBND ngày 24/10/2025		11,176.0	11,176.0	-	300.0	300.0	1	
4	Cải tạo thoát nước, đường giao thông một số tuyến đường chính thôn Quảng Cư, Hả Xá thuộc phường Tứ Minh	904/QĐ-UBND ngày 24/10/2025		48,698.5	48,698.5	-	657.0	657.0	1	
III	CÁC DỰ ÁN DỰNG THỰC HIỆN VÀ ĐƯA RA KHỎI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025			146,956.0	146,956.0	-	-	-	14	0
1	Cải tạo nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn, rãnh thoát nước trên địa bàn xã Cẩm Đoài	Số 08/NQ-HĐND ngày 27/12/2022		35,000.0	35,000.0		-		1	

TT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư được phê duyệt (theo lần cuối cùng nếu có)				Kế hoạch vốn giai đoạn (2021-2025) NQ 10/NQ-HĐND ngày 31/7/2025	Điều chỉnh tăng (+)/giảm (-)	Kế hoạch vốn 2021-2025 sau điều chỉnh	Số dự án	Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Thời gian KC-HT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSDP					
2	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường THCS Cẩm Đoài	Số 04/NQ-HĐND ngày 21/7/2023		13,000.0	13,000.0		-		1	
3	Xây dựng NVH Khu Cẩm Khê B	Số 12/NQ-HĐND ngày 27/12/2024 (phường Tứ Minh cũ)		3,500.0	3,500.0		-		1	
4	Xây dựng NVH Khu Nhật Tân	Số 12/NQ-HĐND ngày 27/12/2024 (phường Tứ Minh cũ)		3,500.0	3,500.0		-		1	
5	Cải tạo nâng cấp đường phố Trần Đăng Nguyên, Vũ Dự Khu Tứ Thông			14,900.0	14,900.0		-		1	
6	Nhà bếp, khu hoạt động ngoài trời trường MN	Số 15/NQ-HĐND ngày 18/6/2021		4,000.0	4,000.0		-		1	
7	Cải tạo nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn, rãnh thoát nước trên địa bàn xã Cẩm Đoài	Số 01/NQ-HĐND ngày 19/6/2023		9,000.0	9,000.0		-		1	
8	Xây dựng bếp ăn bán trú, nhà xe, công trình phụ trợ trường MN Cẩm Đoài	Số 01/NQ-HĐND ngày 19/6/2023		3,000.0	3,000.0		-		1	
9	Cải tạo nâng cấp nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường THCS Cẩm Đoài	Số 01/NQ-HĐND ngày 19/6/2023		950.0	950.0		-		1	
10	Xây dựng sân vận động nhà luyện tập thể thao thôn Kim Xá	Số 01/NQ-HĐND ngày 19/6/2023		8,600.0	8,600.0		-		1	
11	Xây dựng sân Vận Động thôn Ha Xá	Số 01/NQ-HĐND ngày 19/6/2023		3,500.0	3,500.0		-		1	
12	Cải tạo nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn, rãnh thoát nước trên địa bàn xã Cẩm Đoài (9 tuyến đường)	Số 08/NQ-HĐND ngày 27/12/2022		28,000.0	28,000.0		-		1	
13	Xây nhà làm việc và hạng mục phụ trợ trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND phường	Số 12/NQ-HĐND		10,506.0	10,506.0		-		1	

TT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư được phê duyệt (theo lần cuối cùng nếu có)				Kế hoạch vốn giai đoạn (2021-2025) NQ 10/NQ-HĐND ngày 31/7/2025	Điều chỉnh tăng (+)/giảm (-)	Kế hoạch vốn 2021-2025 sau điều chỉnh	Số dự án	Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Thời gian KC-HT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSDP					
14	Giải phóng mặt bằng mở rộng trường Tiểu học, san nền xây tường bao	Số 12/NQ-HĐND ngày 27/12/2024		9,500.0	9,500.0		-		1	

PHỤ LỤC 02-PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /11/2025 của Hội đồng nhân dân phường Tứ Minh)

Đơn: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết KH năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025									Điều chỉnh tăng (+)/giảm (-)	Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Vốn bố trí, phân bổ năm 2025 sau điều chỉnh								Số Dự án
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư được phê duyệt (theo lần cuối cùng nếu có)				Kế hoạch vốn đã giao theo NQ 10/NQ-HĐND ngày 31/7/2025	Tổng	Vốn đã bố trí, phân bổ						Bao gồm											
			Thời gian KC-HT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ngân sách địa phương				Vốn kế hoạch năm 2025					Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi 2024 chuyển nguồn sang 2025 cho đầu tư công				Vốn kế hoạch năm 2025				Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi 2024 chuyển nguồn sang 2025 cho đầu tư công				
									Trợ cấp có mục tiêu từ cấp trên	Vốn thu sử dụng đất		Tiền đền bù đất công điền khi NN thu hồi đất	Thu sử dụng đất	Tăng thu thường xuyên, tiết kiệm chi	Trợ cấp có mục tiêu từ cấp trên			Vốn thu sử dụng đất		Tiền đền bù đất công điền khi NN thu hồi đất	Thu sử dụng đất	Tăng thu thường xuyên, tiết kiệm chi				
										Nguồn tăng thu năm 2025	Vốn giao theo KH năm 2025							Nguồn tăng thu năm 2025	Vốn giao theo KH năm 2025							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)		
	TỔNG CỘNG			288,458.1	288,458.1	67,186.3	90,402.4	57,839.30	436.6	11,897.2	18,458.0	829.4	25,972.8	245.3	(42,445.3)	47,957.1	47,957.1	436.6	-	18,458.0	829.4	27,987.8	245.3	19		
I	Dự án đã hoàn thành trước năm 2025			3,000.0	3,000.0	3,000.0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1		
II	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2025			65,897.6	65,897.6	48,168.9	17,614.8	17,015.60	436.6	4,181.0	6,199.5	829.4	5,369.1	-	(4,291.3)	13,323.5	13,323.5	436.6	-	6,688.4	829.4	5,369.1	-	13		
III	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025			68,500.0	68,500.0	16,017.4	49,787.6	40,823.70	-	7,716.2	12,258.5	-	20,603.7	245.3	(18,911.0)	30,876.6	30,876.6	-	-	8,012.6	-	22,618.7	245.3	1		
IV	Dự án dự kiến khởi công mới năm 2025			81,160.5	81,160.5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,757.0	3,757.0	3,757.0	-	-	3,757.0	-	-	-	4		
V	Các dự án đề xuất dừng thực hiện và đưa ra khỏi kh đầu tư công năm 2025			69,900.0	69,900.0	-	23,000.0	-	-	-	-	-	-	-	(23,000.0)	-	-	-	-	-	-	-	-	0		
	Chi tiết như sau																									
I	Dự án đã hoàn thành trước năm 2025			3,000.0	3,000.0	3,000.0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1		
1	Cải tạo, sửa chữa lớp học 2 tầng 8 phòng, 2 tầng 6 phòng Nhà hiệu bộ, sân trường tiểu học xã Cẩm Đoài	Số 99/QĐ-UBND ngày 20/7/2023		3,000.0	3,000.0	3,000.0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1		
II	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2025			65,897.6	65,897.6	48,168.9	17,614.8	17,015.60	436.6	4,181.0	6,199.5	829.4	5,369.1	-	(4,291.3)	13,323.5	13,323.5	436.6	-	6,688.4	829.4	5,369.1	-	13		
1	Nhà ăn, nhà xe, nhà vệ sinh, tường rào, công, hệ thống thoát nước, sân trường TH Cẩm Đoài	Số 144/QĐ-UBND ngày 21/7/2022		7,924.0	7,924.0	7,832.0	92.0	71.70	-	-	-	71.7	-	-	(20.3)	71.7	71.7	-	-	-	71.7	-	-	1		
2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn, rãnh thoát nước trên địa bàn xã Cẩm Đoài. Tuyến 2: Từ cổng làng Ha Xá đến cổng nhà ông Vũ Văn Hồng.	Số 109/QĐ-UBND ngày 31/7/2023		5,631.0	5,631.0	5,387.2	243.8	243.80	243.8	-	-	-	-	-	-	243.8	243.8	243.8	-	-	-	-	-	1		
3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn, rãnh thoát nước trên địa bàn xã Cẩm Đoài. Tuyến 3: Thôn Ha Xá. Từ Nhà văn hoá thôn Ha Xá đến nhà ông Vũ Văn Độ xóm Hoà Bình	Số 110/QĐ-UBND ngày 31/7/2023		8,131.7	8,131.7	7,788.9	342.8	342.80	192.8	-	-	150.0	-	-	-	342.8	342.8	192.8	-	-	150.0	-	-	1		
4	Sân thể thao, nhà tập luyện thể thao thôn Kim Xá	Số 187/QĐ-UBND ngày 25/12/2023		7,618.0	7,618.0	7,223.0	395.0	7.80	-	-	7.8	-	-	-	-	395.0	395.0	-	-	395.0	-	-	-	1		
5	Cải tạo, sửa chữa hội trường và nhà làm việc với Đảng ủy - UBND - HĐND xã Cẩm Đoài	Số 85/QĐ-UBND ngày 20/6/2023		627.0	627.0	602.0	25.0	23.60	-	-	23.6	-	-	-	(1.4)	23.6	23.6	-	-	23.6	-	-	-	1		
6	Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ xã Cẩm Đoài	Số 63/QĐ-UBND ngày 22/5/2024		3,549.0	3,549.0	1,966.8	1,670.2	1,480.00	-	-	-	450.0	1,030.0	-	(88.2)	1,582.0	1,582.0	-	-	102.0	450.0	1,030.0	-	1		
7	Cải tạo, sửa chữa mái nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, mái che sân trường MN Cẩm Đoài	Số 184/QĐ-UBND ngày 05/12/2024		279.9	279.9	-	279.0	279.00	-	-	12.6	157.7	108.7	-	-	279.0	279.0	-	-	12.6	157.7	108.7	-	1		
8	Cải tạo, sửa chữa mái nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ trường TH Cẩm Đoài	Số 185/QĐ-UBND ngày 06/12/2024		452.0	452.0	-	251.0	250.60	-	-	20.2	-	230.4	-	(0.4)	250.6	250.6	-	-	20.2	-	230.4	-	1		
9	Cải tạo nhà làm việc 3 tầng, nhà vệ sinh trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường Tứ Minh, TP Hải Dương	Số 115/QĐ-UBND ngày 19/5/2025		1,950.0	1,950.0	1,336.0	614.0	614.30	-	-	614.3	-	-	-	-	614.0	614.0	-	-	614.0	-	-	-	1		
10	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới Thương Đạt, phường Tứ Minh, TP Hải Dương	Số 132/QĐ-UBND ngày 20/6/2025		830.0	830.0	553.0	277.0	277.00	-	-	277.0	-	-	-	-	277.0	277.0	-	-	277.0	-	-	-	1		
11	Xây dựng nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường Tứ Minh	Số 240/QĐ-UBND ngày 21/10/2024		11,800.0	11,800.0	7,000.0	4,800.0	4,800.00	-	460.0	2340.0	-	2000.0	-	(460.0)	4,340.0	4,340.0	-	-	2,340.0	-	2,000.0	-	1		
12	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Vũ Mạnh Hùng, khu Lô Cương, phường Tứ Minh, TPHD, đoạn từ đường Trường Chinh đến đình Lô Cương	Số 62/QĐ-UBND ngày 12/3/2025		4,300.0	4,300.0	-	4,300.0	4,300.00	-	202.0	2098.0	-	2000.0	-	(202.0)	4,098.0	4,098.0	-	-	2,098.0	-	2,000.0	-	1		
13	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước khu dân cư Lô Cương A, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương	Số 62/QĐ-UBND - 10/04/2023		12,805.0	12,805.0	8,480.0	4,325.0	4,325.00	-	3519.0	806.0	-	-	-	(3,519.0)	806.0	806.0	-	-	806.0	-	-	-	1		
III	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025			68,500.0	68,500.0	16,017.4	49,787.6	40,823.70	-	7,716.2	12,258.5	-	20,603.7	245.3	(18,911.0)	30,876.6	30,876.6	-	-	8,012.6	-	22,618.7	245.3	1		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bỏ trí từ khởi công đến hết KH năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025									Điều chỉnh tăng (+)/giảm (-)	Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Vốn bỏ trí, phân bổ năm 2025 sau điều chỉnh								Số Dự án
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư được phê duyệt (theo lần cuối cùng nếu có)				Kế hoạch vốn đã giao theo NQ 10/NQ-HĐND ngày 31/7/2025	Tổng	Vốn đã bỏ trí, phân bổ									Bao gồm								
			Thời gian KC-HT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ngân sách địa phương				Tổng	Bao gồm					Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi 2024 chuyển nguồn sang 2025 cho đầu tư công			Vốn kế hoạch năm 2025				Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi 2024 chuyển nguồn sang 2025 cho đầu tư công				
										Tiền đền bù đất công điền khi NN thu hồi đất	Thu sử dụng đất	Tăng thu thường xuyên, tiết kiệm chi														
													Trợ cấp có mục tiêu từ cấp trên	Nguồn tăng thu năm 2025	Vốn giao theo KH năm 2025			Tiền đền bù đất công điền khi NN thu hồi đất	Thu sử dụng đất	Tăng thu thường xuyên, tiết kiệm chi	Trợ cấp có mục tiêu từ cấp trên	Nguồn tăng thu năm 2025	Vốn giao theo KH năm 2025	Tiền đền bù đất công điền khi NN thu hồi đất	Thu sử dụng đất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)		
1	Xây dựng trường THCS Từ Minh, phường Từ Minh	Số 280/QĐ-UBND ngày 20/11/2023		68,500.0	68,500.0	16,017.4	49,787.6	40,823.70		7,716.2	12,258.5		20,603.7	245.3	(18,911.0)	30,876.6	30,876.6			8,012.6		22,618.7	245.3	1		
IV	Dự án dự kiến khởi công mới năm 2025			81,160.5	81,160.5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,757.0	3,757.0	3,757.0	-	-	3,757.0	-	-	-	4		
1	Trị an Cải tạo, sửa chữa các khối nhà lớp học Trường Tiểu học Từ Minh	906/QĐ-UBND ngày 24/10/2025	2025-2026	5,077.0	5,077.0	-	-	-							800.0	800.0	800.0			800.0				1		
2	Xây dựng nhà lớp học 4 tầng 12 phòng trường THCS Cẩm Đoài, phường Từ Minh	903/QĐ-UBND ngày 24/10/2025	2025-2026	16,209.0	16,209.0	-	-	-							2,000.0	2,000.0	2,000.0			2,000.0				1		
3	Cải tạo thoát nước, đường giao thông một số tuyến đường chính thôn Quảng Cư, Hà Xá thuộc phường Từ Minh	904/QĐ-UBND ngày 24/10/2025	2025-2026	48,698.5	48,698.5	-	-	-							300.0	300.0	300.0			300.0				1		
4	Cải tạo, sửa chữa mặt đường, hệ thống thoát nước các tuyến phố Phạm Quý Thích, Phạm Duy Ương và Lý Tử Cầu tổ dân phố Cẩm Khê A thuộc phường Từ Minh	905/QĐ-UBND ngày 24/10/2025	2025-2026	11,176.0	11,176.0	-	-	-							657.0	657.0	657.0			657.0				1		
V	CÁC DỰ ÁN ĐỀ XUẤT DỪNG THỰC HIỆN VÀ ĐƯA RA KHỎI KH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025			69,900.0	69,900.0	-	23,000.0	-	-	-	-	-	-	-	(23,000.0)	-	-	-	-	-						
1	Cải tạo nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn, rãnh thoát nước trên địa bàn xã Cẩm Đoài	Số 08/NQ-HĐND ngày 27/12/2022		35,000.0	35,000.0		12,000.0								(12,000.0)	-										
2	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường THCS Cẩm Đoài	Số 04/NQ-HĐND ngày 21/7/2023		13,000.0	13,000.0		4,000.0								(4,000.0)	-										
3	Xây dựng NVH Khu Cẩm Khê B			3,500.0	3,500.0		1,000.0								(1,000.0)	-										
4	Xây dựng NVH Khu Nhật Tân			3,500.0	3,500.0		1,000.0								(1,000.0)	-										
5	Cải tạo nâng cấp đường phố Trần Đăng Nguyên, Vũ Dư Khu Từ Thống	Số 12/NQ-HĐND ngày 27/12/2024 (phường Từ Minh cũ)		14,900.0	14,900.0		5,000.0								(5,000.0)	-										